

ĐỀ CHÍNH THỨC

VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC SINH GIỚI

Môn: Tiếng Anh 7 Năm học 2016- 2017

Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian giao bài)

ĐiểmHọ tên và chữ ký:Bằng số:Giám khảo 1:				
Giám khảo 1:				
Giám khảo 2:				
c ở phần gạch chân troi	g mỗi dòng sau.			
	s D. regular			
laugh <u>ed</u> C. talk <u>e</u>	<u>ed</u> D. rent <u>ed</u>			
<u>h</u> our C. <u>h</u> und	lred D. <u>h</u> old			
moment C. some	etimes D. close			
s <u>c</u> ore C. s <u>c</u> ou	t D. <u>c</u> omics			
th <u>i</u> ng C. k <u>i</u> nd	D. t <u>i</u> dy			
h <u>ea</u> lth C. t <u>ea</u> cl	ner D. s <u>ea</u> t			
lovel <u>y</u> C. sky	D. cit <u>y</u>			
look <u>s</u> C. wan	<u>s</u> D. help <u>s</u>			
l <u>e</u> tter C. b <u>e</u> tte	r D. pr <u>e</u> tty			
3:	4: 5:			
8:	9: 10:			
để hoàn thành câu.				
on the airplane. He is a				
eacher C. worke	er D. pilot			
l lastnight.				
ce C. were	D. was			
novies?" – "				
B. thank	S			
D. We an	re going to the movie			
s lastnight, so he had a .				
tomachache C. tootha	che D. a bad cold			
water?				
. C . C	D. many			
ny C. a few	D. many			
es are!	D. many			
•	D. Which			
tlerstell – aca de set	Giám khảo 1:			

d	0	G
I	V	V

A. grocer's	B. stationer'	's C. butch	ner's	D. baker's	S
18. I promise I	and vi	sit you.			
A. am going t	to come B. will c	ome C. ar	n coming	D. cam	e
19. My brother doe	esn't like pork, and.				
A. either do	B. neither of	do I C. neit	her I do	D. I don'	t, too.
20. I am pleased th	at you and your far	nily are	••••		
A. good	B. well	C. best		D. better	
21. These drivers p	orefer driving	walking.			
A. than	B. to	C. for		D. on	
22. I often spend ar	n hourE	nglish everyday	•		
A. to learn	B. to learni	ing C. lear	ns	D. learni	ng
23. There are	students play	ing games in the	e school yar	d now.	
A. hundreds	s of B. hundred	ls C. hun	dred of	D. hundr	ed
24. She is never lat	te for school and	is her s	ister.		
	B. so		her	D. too	
25. My mother play	ys volleyball				
A. skill	B. skillful	C. skil	lfully	D. skilled	d
26. We study about	t graphs, equations	and caculator in	1	classe	es.
A. History	B. Math	C. Geo	graphy	D. Englis	sh
	friends th				
	B. many				
28. The doctor says	s you should spend	time	playing vic	leo games.	
A. lots of	B. all your	C. mos	t of your	D. little	
29. Nga decided	hov	w to use a sewir	ng machine.		
A. to learn	B. learn	C. lear	ning	D. learnt	
	ne				
A. sing	B. sings	C. is si	nging	D. are sir	nging
11:	12:	13:	14:		15:
16:	17:	18:	19:		20:
21:	22:	23:	24:		25:
26:	27:	28:	29:		30:
31. Many people	ong 4 đáp án A, B, e <u>prefer</u> taking part A as <u>less</u> days off th	in sports than v B C	vatching <u>the</u>		i cho đúng.

34. You look <u>tired</u>. You'd <u>better</u> <u>stay</u> inside <u>on recess</u>.

33. Three days ago, <u>The</u> Browns go for a picnic in the country.

41:	42:	43:	44:	45:
46:	47:	48:	49:	50:



In the summer holiday, Mr. and Mrs. Brown and their children, Peter and Susan often go to the beach for two or three days. They always go to Vung Tau in the south of Viet Nam. They usually stay in a small house or a flat by the sea, but sometimes they stay in a hotel. Last summer, they went to Nha Trang. They stayed at the Sun Shine hotel for three days. In the morning, Peter played soccer with his father on the beach. Susan and her mother walked long the beach and built sand castles. They visited Tri Nguyen aquarium and saw different kinds of fish there. They also bought a lot of souvenirs for friends. *Ouestions:*

51. Where do the Browns often go for the				
52. Where did they go last summer?				
53. How long did they stay there?				
54. What did Susan and her mother o in	_			
55. Who did Peter play soccer on the be	ach with?			
VI. Cho dạng đúng của từ in hoa trong ngơ 56. This is one of the	re ever seen. (BAD)			
56:	61:			
57:	62:			
58:	63:			
59:	64:			
60:	65:			
67.Going to the cinema is better than re →I prefer	ve years old ading books at home.			
68. Hong Son is a very good soccer play	ver.			



 → Hong Son Plays. 69. Who is the owner of this book? (Who does. 70.Mount Everest is the hihgest mountain in the world. → No mountain. 71. February often has 28 days. 	
70.Mount Everest is the hihgest mountain in the world. →No mountain	
→No mountain.	
/1. February often has 28 days.	
→Thoro	
→There	
→How	1
73. It takes me an hour to do my homework every evening.	••••
→I spend	
74. What is the price of this cap?	
(How much	?
75. Finding an apartment in a big city is not easy.	
→It is	
VIII. Hoàn thành các câu sau dùng từ cho sẵn:	
76. Would/ like/ go/ movie theater/ me/ tonight?	?
77. You/ ought/ not/ drink/ coffee/because/ it/ not/ good/ you.	••••
77. Tour ought hot armin correct occauser to hot good, you.	
78. It/ take/ he/ 30 minutes/ go/ Ky Anh town/ motorbike.	
79.My home land/ tobe/ different/ yours.	
80.Could/show/me/ how/ to/ get/ post office/, please?	• • • • •
80. Could/show/file/ how/ to/ get/ post office/ , please?	
81.Ba/ interested/ collect/ stamps.	• • • •
82.Lastnight,/ Mr. Lam/ watch/ interesting/ film/ TV	
83. They/ rehearse/ play/ the school anniversary/ celebration/ at present.	
24 Sha/ugually/ga/library/har frag tima	• • • •
84.She/ usually/ go/ library/ her free time.	
85. There/ tobe/ one/ table/ four chairs/ dining-room.	• • • •
IX. Hãy điền một giới từ thích hợp vào mỗi chỗ trống để hoàn thành những câu sau.	,
86.Lifethe city is different from that in the country.	
87. Trang received a letterher aunt last week.	
88. Eating too much candy is badyou.	
88. Eating too much candy is badyou. 89. Bao is very goodfixing house hold appliances. 90. We usally go fishingsummer.	



85:....

90:....

93. My school team took part walking competition last year. 94. Please, come It is cold outside. 95. Mr. Long is having a meeting8.00 and 10.00 am today. Your answer: 83:.... 82:.... 84:.... 89:.... 87:... 88:.... 86:.... X. Chia động từ trong ngoặc ở thì đúng: 96. We can't go out now because it (rain) 97. How much it (cost)to mail a latter to England? 98. I (go).....back in a few minutes, I promise. 99. Tam's penpal (write).....her twice a month. 100. They (go)..... to Nha Trang last month? Your anwer: 96. 97:.... 98:....

99: 100:

92. There are some English books the back of the library.

91. They always go to schoolfoot.

The end



ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẨM ĐỀ THI HSNK MÔN ANH VĂN 7

I. Chọn từ có cách phát âm khác ở phần gạch chân trong mỗi dòng sau (1 điểm)

г		_	1			1	1	1		
	1. A	2. D	3. B	4. C	5. A	6. A	7. D	8. C	9.A	10. B

II.Chọn một đáp án thích hợp để hoàn thành câu. (2 điểm)

1. C	2. D	3. C	4. D	5. D	6. C	7.A	8. A	9. B	10. B
11. B	12.D	13.A	14.C	15. C	16. B	17. A	18. D	19. D	20. B

III.Chia động từ trong ngoặc. (1 điểm)

1. is doing	3. did it take	5. doeshave	7. teach	9. isn't
2. didn't pass	4. to clean	6. has	8. to play	10. will go

IV. Cho dang đúng của từ trong ngoặc. (0,5 điểm)

\cdots	\cdots	, , , , , , , , , , , , , , , , , , , ,	
1. worst 2. Unluckily	3. nationality	4. detective	5. cyclist

V. Mỗi câu sau đây có một lỗi sai. Hãy tìm và sửa lại cho đúng . (0,5 điểm)

1. take = taking	4. on = at
2. less = fewer	10. him = his
3. go = went	

- VI. Viết lại các câu sau đây sao cho nghĩa không thay đổi. (1 điểm)
 - 1. Linh is an eleven year old girl.
 - 2. I prefer going to the cinema to reading books at home.
 - 3. How much does Ba weigh?
 - 4. Who does this book belong to?
 - 5. It takes him half an hour to go to work every morning.

VII. Hãy sắp xếp các từ, các cụm từ sau đây thành câu có nghĩa. (1 điểm)

- 1. Will you please get me the (that) ink pot from that (the) table?
- 2. Would you like another cup of coffee, Nam?
- 3. You shouldn't drink coffee because it's not good for you.
- 4. Be sure to go to school early in the morning.
- 5. Hoa often spends her spare time reading books in her own room.

VIII. Hãy điền một giới từ thích hợp vào mỗi chỗ trống để hoàn thành những câu sau. (1 điểm)

1	. in	3. on	5. for	7. about	9. out
---	------	-------	--------	----------	--------



2. from	4. from	6. at	8. with	10. in

IX.Hãy điền một mạo từ thích hợp (a/ an/ the hoặc 0) vào mỗi chỗ trống trong những câu sau. (1 điểm)

1. an	3. an	5. the	7. 0	9. 0
2. 0	4. a	6. 0	8. a	10. the

X. Hãy đọc lá thư sau đây và tìm từ thích hợp để điền vào chỗ trống.

(1 điểm)

1. by	2. started	3. an	4. met	5. had/ ate
6. both	7. for	8. play	9. stayed/	did
			was	

The end